TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĂN CHẤN** **TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 10/9/2024
V/v Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN CHẤN, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Hoa Quỳnh.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Vũ Lương Trung Đức.

- Ông Hoàng Đình Mùi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Bá Đạt - Thư ký Toà án nhân dân huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương- Kiểm sát viên

Ngày 10 tháng 9 năm 2024 Toà án nhân dân huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 192/2024/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2024 về việc Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Hoàng Thị S**, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Thôn A, xã Đ, huyện V, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn*: Anh **Hà Văn B**, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Thôn A, xã Đ, huyện V, tỉnh Yên Bái; Hiện đang chấp hành hình phạt tù tại Đội 42, P, Trại giam H- Cục C- Bộ C1. Vắng mặt - Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai chị Hoàng Thị S trình bày: Chị và anh Hà Văn B kết hôn và có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện V, tỉnh Yên Bái vào ngày 23/12/2015. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung tại Thôn A, xã Đ, huyện V, tỉnh Yên Bái. Vợ chồng chung sống đến tháng 11 năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do không hợp nhau, anh B nghiện ma túy nên vợ chồng thường xuyên cãi vã. Năm 2018 anh B có hành vi đánh người gây thương tích và Cướp tài sản nên đang chấp hành án tại trại giam H. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Hà Văn B. Về con

chung: Anh chị không có con chung. Anh B có yêu cầu chị bồi thường cùng anh B cho ông T thì chị không nhất trí bồi thường cùng vì đây là số tiền anh B phạm tội gây ra chứ không phải nợ chung.

Tại bản tự khai của anh Hà Văn B trình bày: Anh và chị Hoàng Thị S kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ ngày 23/12/2015 Hiện tại anh B đang chấp hành hình phạt tù 08 năm 09 tháng tại trại giam H. Nay chị Hoàng Thị S xin ly hôn với anh, anh B đồng ý ly hôn với chị S, ngoài tình nghĩa vợ chồng do anh phải bồi thường cho ông Hà Xuân T1 số tiền 9.000.000 đồng theo bản án số 01/2018/ HS-ST ngày 28/12/2018 của Tòa án huyện V, anh đề nghị chị S hỗ trợ anh bồi thường cho ông T1. Về con chung: Anh chị không có con chung. Do anh B đang chấp hành án phạt tù tại Đội 42, P, Trại giam H1 ca nên không thể tham gia phiên tòa xét xử, anh B đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị S và anh B đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Chấn tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, việc chấp hành pháp luật của các đương sự tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị S: Xử cho chị S được ly hôn anh Hà Văn B; về con chung: không có; về tài sản chung và nợ chung các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết; về án phí nguyên đơn chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Anh Hà Văn B đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn A, xã Đ, huyện V, tỉnh Yên Bái vụ án do Tòa án nhân dân huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật cho các đương sự, tại phiên tòa chị S, anh B vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị S và anh Hà Văn B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký ngày 23/12/2015 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện V, tỉnh Yên Bái. Theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, quan hệ hôn nhân giữa chị Hoàng Thị S và anh Hà Văn B được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống chị Hoàng Thị S trình bày vợ chồng mâu thuẫn là do không cùng quan điểm sống, anh B đang chấp hành hình phạt tù tại trại giam H, chị Hoàng Thị S đề nghị ly hôn. Anh Hà Văn B đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy chị S và anh B đều có nguyện vọng được ly hôn, quan hệ hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm đến nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không thể đạt được. Do vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị S phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Anh chị không có con chung nên HĐXX không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Ý kiến khác của bị đơn: Trong bản tự khai anh B có đề chị S hỗ trợ anh bồi thường cho ông Hà Xuân T1 số tiền 9.000.000 đồng. Chị S trình bày đây là khoản tiền bồi thường do hành vi phạm tội của anh B, chị không nhất trí bồi thường. Hội đồng xét xử thấy đây là ý kiến yêu cầu chị S cùng hỗ trợ bồi thường thiệt hại của anh B, việc anh B phải bồi thường thiệt hại cho ông T1 số tiền 9.000.000 đồng là trách nhiệm dân sự của riêng anh B do hành vi phạm tội gây ra theo quyết định của Bản án 01/2018/HS-ST ngày 28/12/2018 của Tòa án huyện Văn Chấn, không phải là ý kiến liên quan đến tài sản chung, nợ chung của vợ chồng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Chị Hoàng Thị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quy định của pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hoàng Thị S được ly hôn anh Hà Văn B.

2. Về án phí: Chị Hoàng Thị S phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai số AA/2024/0000762 ngày 07/8/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Văn Chấn tỉnh Yên Bái, chị S đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Văn Chấn;
- Chi cục THADS huyện Văn Chấn;
- UBND xã Đồng Khê;
- Các đương sự;
- Lưu:

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lưu Hoa Quỳnh